

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ, Sở Tư pháp và Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh chỉ đạo, điều hành hoạt động Quỹ theo đúng quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2023 và thay thế Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định và Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung của Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; Ban Kiểm soát Quỹ; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh; Thủ trưởng các cơ

quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, K1 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Phạm Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định để thực hiện chức năng huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều lệ này áp dụng đối với Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chức năng của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Vốn điều lệ” là mức vốn quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định.
2. “Vốn điều lệ thực có” là số vốn điều lệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thực cấp cho Quỹ và được phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ để hoạt động theo quy định của Chính phủ và Điều lệ này.
3. “Vốn hoạt động” là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ tại một thời điểm.
4. “Đầu tư trực tiếp vào các dự án” là việc Quỹ sử dụng vốn hoạt động của mình để đầu tư vào các dự án, trong đó: Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.
5. “Cho vay hợp vốn” là việc Quỹ và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó: Quỹ hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.
6. “Người quản lý Quỹ” là người giữ các chức danh, chức vụ gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

7. “Người có liên quan” là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.

Điều 4. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ của Quỹ

1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước để cho vay, đầu tư, nhận ủy thác các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương; Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Vốn điều lệ của Quỹ: 400 tỷ đồng (*Bốn trăm tỷ đồng*).

3. Tên gọi của Quỹ:

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định

b) Tên viết tắt: BDDIF

c) Tên giao dịch quốc tế: Binh Dinh Development Investment Fund.

4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 181 Lê Hồng Phong - Thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định.

5. Điện thoại, trang điện tử, email:

a) Điện thoại: (0256) 6253108

b) Trang điện tử: www.bddif.gov.vn

c) Email: quydautuphat trien binh dinh@gmail.com

Điều 5. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương, thực hiện chức năng cho vay và đầu tư theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 147/2020/NĐ-CP). Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc.

Điều 6. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước.

2. Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.

3. Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

Điều 7. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ bao gồm:

- a) Hội đồng quản lý bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên;
- b) Ban kiểm soát: Trưởng ban kiểm soát và các thành viên;
- c) Bộ máy điều hành bao gồm: Ban Giám đốc (Giám đốc và các Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và các Phòng nghiệp vụ.

2. Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và tại Điều lệ này.

Điều 8. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thực hiện các quyền và trách nhiệm quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

2. Thực hiện các quyền, trách nhiệm quy định tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Phê duyệt kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;

b) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua phương án cơ cấu lại, giải thể Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;

c) Quyết định ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

d) Quyết định cho vay đối với các trường hợp cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa là 15 năm;

đ) Xem xét chấp thuận việc cho vay hợp vốn theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ trong từng thời kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và mức lãi suất cho vay đối với hoạt động phát triển nhà ở;

h) Quyết định mô hình tổ chức của Quỹ, số lượng thành viên của Hội đồng quản lý và Ban Kiểm soát Quỹ;

i) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh trong Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng hoặc các chức danh khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

k) Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu về cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật như đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn;

l) Phê duyệt kết quả đánh giá xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ;

m) Chấp thuận mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn chênh lệch thu chi của Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ;

n) Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ;

o) Quyết định cho vay đối với các dự án có mức vốn cho vay trên 50 tỷ đồng/một dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại Điều 29 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

p) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Quỹ.
2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 11. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Hoạt động huy động vốn: Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Hoạt động cho vay: Quỹ được cho vay, cho vay hợp vốn đối với các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Hoạt động đầu tư: Quỹ được đầu tư vào các dự án, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Hoạt động nhận ủy thác và ủy thác:

- a) Quỹ được nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;
- b) Quỹ được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

5. Hoạt động phát hành trái phiếu: Quỹ thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Hoạt động quản lý Quỹ phát triển nhà ở: Quỹ tiếp nhận vốn từ nguồn bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và các nguồn vốn huy động khác theo quy định để thực hiện cho vay và đầu tư trực tiếp vào các dự án thuộc chương trình nhà ở theo quy định của tỉnh; cho vay vốn cho các đối tượng thuộc chương trình nhà ở theo quy định của tỉnh; hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, tự bù đắp chi phí phát sinh và không vì mục đích lợi nhuận.

7. Quỹ thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao để phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 12. Trách nhiệm của Quỹ

- 1. Thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này;
- 2. Bảo toàn và sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn vốn và tài sản theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về biến động vốn chủ sở hữu của Quỹ;
- 3. Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với các khoản vốn mà Quỹ đã huy động từ các tổ chức theo quy định của pháp luật;
- 4. Thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;
- 5. Thực hiện đúng chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và báo cáo theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh và Sở Tài chính;
- 6. Tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;
- 7. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật;
- 8. Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật;
- 9. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Quỹ phát triển nhà ở;

10. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền hạn của Quỹ

1. Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ;

2. Được tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;

3. Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;

4. Được lựa chọn các dự án đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư, cho vay thuộc đối tượng tại danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để quyết định cho vay, đầu tư. Trường hợp thực hiện cho vay, đầu tư theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về quyết định của mình nhằm đảm bảo nguyên tắc bảo tồn và phát triển nguồn vốn hoạt động của Quỹ;

5. Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay, đầu tư; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án;

6. Được ban hành các quy trình hoạt động để làm căn cứ triển khai hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của Quỹ trong từng thời kỳ;

7. Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư;

8. Được mời và tiếp các đối tác đầu tư, kinh doanh nước ngoài, được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật;

9. Được từ chối mọi yêu cầu của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật hoặc trái với Điều lệ này;

10. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư; định giá tài sản đảm bảo tiền vay;

11. Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài sản bảo đảm tiền vay, tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ đã đầu tư, cho vay cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư góp vốn) tại các tổ chức, cá nhân vay vốn;

12. Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đình chỉ việc cho vay, đầu tư; thu hồi các khoản đầu tư, cho vay trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật;

13. Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, đầu tư vốn nếu xét thấy trái pháp luật, trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ;

14. Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

15. Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành;

16. Được tuyển dụng, thuê, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng Ban quản lý điều hành và người lao động; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật;

17. Được phối hợp, đề nghị các cơ quan liên quan hợp tác để thẩm định hoặc xác minh dự án, phương án sản xuất kinh doanh, đầu tư, thu hồi nợ;

18. Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Mục 1: HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 14. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, được ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ theo quy định tại Chương II của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có năm (05) người. Bao gồm: đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh và Giám đốc Quỹ. Mỗi người được gọi là một thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Cơ cấu Hội đồng quản lý gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý (sau đây gọi chung là thành viên Hội đồng quản lý), trong đó một thành viên Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ; Các thành viên khác của Hội đồng quản lý có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ quản lý khác tại Quỹ.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là năm (05) năm. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Xem xét và thông qua kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán của Quỹ;

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật;

3. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ; bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ để quyết định theo thẩm quyền;

4. Ban hành hoặc sửa đổi các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ theo hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ, ngành, trung ương và theo yêu cầu quản lý của Quỹ;

5. Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay và mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định;

6. Quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;

7. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định của pháp luật;

8. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thành viên về cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của Quỹ theo quy định của pháp luật như đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn;

9. Thông qua báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ; báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi; trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

10. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chế độ tiền lương, thưởng, phương thức tổ chức, bộ máy quản lý điều hành Quỹ; quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

11. Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;

12. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật;

13. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý;

14. Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

15. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý;

16. Quyết định cho vay đối với các dự án từ 8 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng/một dự án.

17. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nội dung được ủy quyền;

18. Trên cơ sở quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương thức tổ chức hoạt động của Quỹ, quyết định tổ chức các Phòng, Ban nghiệp vụ của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ theo nguyên tắc gọn nhẹ, hiệu quả;

19. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật;

20. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm đặc thù theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không được trái với quy định của pháp luật hiện hành.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thành viên Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phải có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật;

đ) Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ;

e) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ miễn nhiệm trong những trường hợp sau:

- a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;
- b) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;
- c) Có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;
- d) Nghỉ hưu;
- e) Các trường hợp miễn nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;
- b) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ;
- c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 15 của Điều lệ này;
- d) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;
- đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các Quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
- e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc một thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền;
- g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tham dự họp Hội đồng quản lý Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

c) Yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ, nguồn vốn và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

Điều 18. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý vắng mặt tại cuộc họp phải có thông báo bằng văn bản về lý do vắng mặt. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý. Thành viên Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác

nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Mục 2: BAN KIỂM SOÁT QUỸ

Điều 19. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Ban Kiểm soát có hai (02) thành viên, trong đó có một (01) Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát; chế độ làm việc Ban kiểm soát (chuyên trách hoặc không chuyên trách) do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ vào quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát có các nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ, việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế hoạt động nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm chính sách, chế độ theo quy định hiện hành, Ban kiểm soát Quỹ có trách nhiệm thông báo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời yêu cầu Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý có liên quan và bộ máy quản lý, điều hành Quỹ chấm dứt hành vi vi phạm, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

c) Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Hàng năm, Ban Kiểm soát trình Hội đồng quản lý lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ giao.

2. Ban kiểm soát có các quyền hạn sau đây:

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ;

b) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Quỹ phối hợp với Ban kiểm soát xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật;

d) Trưởng Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (trong trường hợp cần thiết) triệu tập phiên họp bất thường để báo cáo những vấn đề khẩn cấp làm phương hại đến hoạt động của Quỹ;

e) Thành viên Ban kiểm soát được hưởng phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

3. Ban kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ; không lợi dụng thông tin, chức vụ, nguồn vốn, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định;

e) Các nghĩa vụ khác theo các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 21. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ; không là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này;

d) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

e) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

c) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát miễn nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát;

b) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

c) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

d) Nghỉ hưu;

e) Các trường hợp miễn nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

Mục 3: GIÁM ĐỐC QUỸ

Điều 22. Giám đốc Quỹ

Là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ

nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Quản lý và điều hành các hoạt động của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ; đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; các quy chế nội bộ của Quỹ; các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các nghị quyết, quyết định Hội đồng quản lý Quỹ;

2. Trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành các Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo thẩm quyền quy định;

3. Đề xuất và trình Hội đồng quản lý Quỹ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản lý Quỹ quy định tại Điều 17 của Điều lệ này;

4. Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật; ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành của Giám đốc Quỹ;

5. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính;

6. Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật;

7. Quyết định cho vay đối với các dự án dưới 8 tỷ đồng/một dự án;

8. Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, đào tạo cán bộ và quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh Trưởng, phó các phòng nghiệp vụ và người lao động theo quy định của pháp luật;

9. Được phép đại diện cho Quỹ đối với các quan hệ trong và ngoài nước;

10. Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ;

11. Ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ;

12. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ;

13. Đề nghị Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ;

14. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.
2. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.
3. Không phải người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Phó Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.
4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là thành viên của Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của Giám đốc Quỹ theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này;
 - b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng;
 - c) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ này;
 - d) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;
 - đ) Nghỉ hưu;
 - e) Các trường hợp miễn nhiệm khác theo quy định của pháp luật.
3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Mục 4: PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY NGHIỆP VỤ

Điều 26. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm.
2. Phó Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc trong việc điều hành hoạt động của Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
3. Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

b) Kế toán trưởng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu Phó Giám đốc và Kế toán trưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 27. Bộ máy nghiệp vụ

1. Các phòng nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

2. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo các phòng nghiệp vụ thực hiện theo quy định của Nhà nước.

3. Lãnh đạo các phòng nghiệp vụ và người lao động làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 28. Tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng và thực hiện hợp đồng lao động làm việc tại Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ

Điều 29. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, báo cáo và giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

2. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo; giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ, đánh giá hiệu quả hoạt động người quản lý theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Quỹ tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Hàng năm, báo cáo tài chính của Quỹ phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Việc xếp hạng Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

5. Kết quả hoạt động của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, phần chênh lệch này được phân phối như sau:

- a) Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm đến thời điểm quyết toán;
- b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;
- c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ thì không trích nữa;
- d) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý vào quỹ thưởng người quản lý;
- đ) Phần chênh lệch còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

6. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ. Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều 65 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Chương V

XỬ LÝ TRANH CHẤP, CƠ CẤU LẠI QUỸ

Điều 30. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 31. Cơ cấu lại Quỹ

1. Việc cơ cấu lại Quỹ Đầu tư phát triển Bình Định do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Việc cơ cấu lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ thuộc bộ máy quản lý điều hành của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ trên cơ sở tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương VI

GIẢI THỂ QUỸ

Điều 32. Trường hợp giải thể Quỹ

Quỹ bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Quỹ bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ và có tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay và đầu tư (không bao gồm các khoản nhận ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong 05 năm liên tiếp.
2. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% hoặc tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư cao hơn 80% .
3. Lũy kế chênh lệch thu - chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 năm liên tiếp.
4. Các trường hợp Quỹ hoạt động không hiệu quả hoặc không cần thiết phải duy trì Quỹ theo đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 33. Hội đồng giải thể Quỹ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng giải thể để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ.
2. Thành phần Hội đồng giải thể bao gồm:
 - a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - b) Đại diện Lãnh đạo các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ và Lao động Thương binh và Xã hội;
 - c) Đại diện Lãnh đạo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh;
 - d) Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ;
 - đ) Đại diện các cơ quan liên quan theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 34. Quy trình giải thể Quỹ

1. Hội đồng giải thể xây dựng phương án giải thể, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua. Phương án giải thể bao gồm các nội dung sau:
 - a) Đánh giá của tổ chức kiểm toán độc lập về thực trạng tài chính và xác định giá trị thực vốn điều lệ của Quỹ, trừ trường hợp Quỹ đã có báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập trong vòng 06 tháng trước thời điểm quyết định giải thể Quỹ;
 - b) Phương án thanh lý tài sản, xử lý nguồn vốn điều lệ, các khoản cho vay và đầu tư đang thực hiện và thanh toán các khoản nợ của Quỹ;
 - c) Phương án chuyển giao các khoản nhận ủy thác của các tổ chức ủy thác;
 - d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
 - đ) Điều khoản chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích của Quỹ.
2. Sau khi phương án giải thể được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể Quỹ, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính và

công bố việc giải thể trên các phương tiện thông tin đại chúng ở tỉnh và trung ương.

3. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực:

a) Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

b) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

4. Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi Quỹ đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời gian giải thể Quỹ không quá 02 năm kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu thực tiễn của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định gia hạn thời gian giải thể nhưng tối đa không quá 01 năm.

Điều 35. Trách nhiệm của Quỹ sau khi có quyết định giải thể

1. Chấm dứt ngay hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư và các hoạt động có liên quan khi quyết định giải thể có hiệu lực.

2. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ phải thực hiện:

a) Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; đối chiếu công nợ phải thu, phải trả; lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực.

b) Lập danh sách các khoản tiền gửi của quỹ tại các tổ chức tín dụng; danh sách nợ phải trả, bao gồm các khoản vốn huy động; danh sách khách hàng cho vay và số nợ gốc, lãi phải thu (gồm nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi); danh sách các dự án đầu tư, các khoản vốn góp tại các tổ chức kinh tế và số vốn phải thu hồi từ các dự án này; danh sách các khoản ủy thác và nhận ủy thác.

c) Gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ phải bàn giao cho Hội đồng giải thể:

a) Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến việc giải thể của Quỹ; danh sách các khoản cho vay, đầu tư, các khoản ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ.

b) Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của Quỹ (kể cả tài sản chưa thu hồi được).

Điều 36. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

1. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Hội đồng giải thể có trách nhiệm:

- a) Thu hồi con dấu của Quỹ để phục vụ giải thể.
 - b) Tổ chức giải thể Quỹ theo phương án được duyệt.
 - c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giải thể.
2. Hội đồng giải thể được sử dụng con dấu của Quỹ để phục vụ công tác giải thể và yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan hỗ trợ việc thu hồi tài sản.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Tổ chức thực hiện

1. Mọi hoạt động của Quỹ thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Trong quá trình thực hiện, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm thường xuyên theo dõi chế độ, chính sách quy định của Nhà nước, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, thực tế hoạt động của Quỹ, đề xuất Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động cho phù hợp./.